

Số: 20/2020/DS-ST

Ngày: 04-6-2020

V/v: “*T/c Hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI - TỈNH BẾN TRE
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đặng Thị Ngọc Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Lớn

2. Ông Nguyễn Công Trung

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Phan Thị Kim Loan

Ngày 04 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2020/TLST-DS ngày 14/01/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐST-DS ngày 11/5/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2020/QĐST-DS ngày 21/5/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP B; địa chỉ Toà nhà C, đường T, phường C, Q H, Tp. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Doãn S – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trương Thế C, sinh năm 1991 – Chuyên viên hỗ trợ hoạt động (theo văn bản ủy quyền số 297/2020/GUQ-LPB.BTR ngày 11/5/2020); địa chỉ đường Đ, khu phố 1, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1966; địa chỉ ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (vắng mặt);

2.2. Bà Trần Thị T, sinh năm 1966; địa chỉ ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (vắng có đơn).

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện ngày 16/12/2019 và trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trương Thế C trình bày:

Vào ngày 09/3/2018, ông Phạm Văn H và bà Trần Thị T ký với Ngân hàng TMCP B – chi nhánh Bến Tre hợp đồng tín dụng số HDTD 84020180164 để vay số tiền 200.000.000 đồng, mục đích vay bỏ cái, mua sắm vật dụng gia đình, sửa chữa nhà ở, thời hạn cho vay 60 tháng, kỳ hạn trả nợ gốc: trả thành 5 kỳ, mỗi kỳ 12 tháng, số tiền trả mỗi kỳ 40.000.000 đồng, ngày trả nợ đầu tiên 09/3/2019; kỳ hạn trả lãi: lãi trả ngày 10 hàng quý theo dư nợ thực tế.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông H và bà T ký kết với Ngân hàng hợp đồng thế chấp số 0038/2018/HĐTC/CNBenTre ngày 07/03/2018 với tài sản thế chấp gồm: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số CE 125040, số vào sổ cấp GCN: CH01950 do UBND huyện B cấp ngày 22/12/2015 tại thửa đất 76, tờ bản đồ 26, diện tích 284,3m², mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn + đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Sau khi vay, tính đến ngày 17/02/2020, ông H và bà T đã T toán nợ gốc là 40.000.000 đồng. Tuy nhiên từ ngày 18/02/2020 ông H, bà T không thực hiện đúng cam kết, thường xuyên T toán không đúng hạn quy định. Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nợ và làm việc trực tiếp, đã tạo mọi điều kiện nhưng bị đơn không hợp tác. Nay Ngân hàng yêu cầu ông H, bà T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ trước hạn với tổng số tiền tạm tính đến ngày 17/02/2020 là 190.042.897 đồng, gồm nợ gốc 160.000.000 đồng, lãi trong hạn 27.734.827 đồng, lãi phạt 2.308.071 đồng. Ông H và bà T phải trả tiền lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng tín dụng số HDTD 84020180164 ngày 09/3/2018 từ ngày 18/02/2020 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp ông H và bà T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp số 0038/2018/HĐTC/CNBenTre ngày 07/3/2018 để thu hồi hết nợ.

** Tại bản tự khai ngày 11/5/2020 và trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Trần Thị T trình bày:*

Bà thống nhất với trình bày của nguyên đơn về việc cùng với ông H ký kết với nguyên đơn hợp đồng tín dụng số HDTD 84020180164 ngày 09/3/2018 và hợp đồng thế chấp số 0038/2018/HĐTC/CNBenTre ngày 07/3/2018. Bà thừa nhận tính đến ngày 17/02/2020, bà và ông H còn nợ nguyên đơn số tiền 190.042.897 đồng, gồm nợ gốc 160.000.000 đồng, lãi trong hạn 27.734.827 đồng, lãi phạt 2.308.071 đồng. Hiện bà và ông H cũng đồng ý trả số nợ trên cho nguyên đơn nhưng yêu cầu được trả số tiền trên sau thời hạn hai tháng.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên trình bày, yêu cầu.
- Ông Phạm Văn H, bà Trần Thị T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa, bà Trần Thị T vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Riêng ông Phạm Văn H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng tại phiên tòa vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B yêu cầu ông H và bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 17/02/2020 là 190.042.897 đồng, gồm nợ gốc 160.000.000 đồng, lãi trong hạn 27.734.827 đồng, lãi phạt 2.308.071 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng tín dụng số HDTD 84020180164 ngày 09/3/2018 từ ngày 18/02/2020 cho đến khi trả hết nợ; trường hợp ông H và bà T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp số 0038/2018/HĐTC/CNBenTre ngày 07/3/2018 để thu hồi hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số HDTD 84020180164 ngày 09/3/2018, hợp đồng thế chấp số 0038/2018/HĐTC/CNBenTre ngày 07/3/2018 và sự thừa nhận của bị đơn bà Trần Thị T có cơ sở xác định vào ngày 09/3/2018, bà T và ông H có ký kết với Ngân hàng TMCP B hợp đồng tín dụng số HDTD 84020180164 để vay số tiền 200.000.000 đồng và ký kết hợp đồng thế chấp số 0038/2018/HĐTC/CNBenTre ngày 07/3/2018 để đảm bảo cho khoản vay trên. Tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số CE 125040 số vào sổ cấp GCN: CH01950 do UBND huyện B cấp ngày 22/12/2015 tại thửa đất 76, tờ bản đồ 26, diện tích 284,3m², mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn + đất trồng cây lâu năm do ông Phạm Văn H đứng tên quyền sử dụng đất. Việc ký kết hai hợp đồng là trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Từ ngày 17/02/2020, ông H và bà T không thực hiện đúng cam kết, thường xuyên T toán nợ không đầy đủ, không đúng hạn và tính đến ngày 17/02/2020 còn nợ lại số tiền 190.042.897 đồng, gồm nợ gốc 160.000.000 đồng, lãi trong hạn 27.734.827 đồng, lãi phạt 2.308.071 đồng như trình bày của nguyên đơn. Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật tại các điều 317, 320, 323, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm (190.042.897đ x 5%): Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông H và bà T phải liên đới nộp số tiền 9.502.145 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 317, 320, 323, 463, 466, 468, 470, 688 Bộ luật dân sự; các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B. Buộc ông Phạm Văn H và bà Trần Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền 190.042.897đ (một trăm chín mươi triệu không trăm bốn mươi hai ngàn tám trăm chín mươi bảy đồng). Gồm:

- Tiền gốc: 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng);
- Lãi trong hạn: 27.734.827đ (hai mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi bốn ngàn tám trăm hai mươi bảy đồng);
- Lãi quá hạn: 2.308.071đ (hai triệu ba trăm lẻ tám ngàn không trăm bảy mươi một đồng).

Ngân hàng TMCP B được tiếp tục tính tiền lãi vay phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên từ ngày 18/02/2020 cho đến ngày T toán hết nợ.

Trường hợp ông Phạm Văn H, bà Trần Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP B được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 125040, sổ vào sổ cấp GCN: CH01950 do UBND huyện B cấp ngày 22/12/2015 và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất 76, tờ bản đồ 26, diện tích 284,3m², mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn + đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre do ông Phạm Văn H đứng tên quyền sử dụng đất.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Phạm Văn H và bà Trần Thị T có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền là 9.502.145đ (chín triệu năm trăm lẻ hai ngàn một trăm bốn mươi lăm đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.551.000đ (năm triệu năm trăm năm mươi một ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008685 ngày 20/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Ba Tri;*
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *Chi Cục THADS huyện Ba Tri;*
- *Lưu.*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Ngọc Duyên